TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QĐST-VDS	*Hương Sơn, ngày 27 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Đức Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Kim Nhung, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-VDS, ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐ-MPH ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2021/QĐST-VDS, ngày 12/8/2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Lê Thị H, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên họp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn K (tên gọi khác Nguyễn Văn K), sinh năm: 1967. Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên họp.

2. Chị Trần Thị N, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên họp.

3. Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân H1; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên họp

4. Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên họp

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

** Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai có tại hồ sơ việc dân sự cũng như tại phiên họp hôm nay người yêu cầu chị Lê Thị H trình bày:*

Chị Lê Thị H kết hôn với anh Nguyễn K vào ngày 20/9/1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị H và anh Nguyễn K sống hạnh phúc đến tháng 02/2004 thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi xảy ra mâu thuẫn chị H bỏ nhà đi mà không nói với anh K. Tháng 10/2008 anh K yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích và được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giải quyết bằng quyết định số 02/2008/QĐST-TBMT, ngày 23/10/2008. Năm 2010 chị H trở về địa phương và biết chị H bị Tòa án tuyên bố mất tích nên chị H đã làm đơn đề nghị Tòa án huyện hủy quyết định tuyên bố chị H mất tích. Ngày 25/01/2010 Tòa án nhân dân huyện H đã ban hành quyết định hủy quyết định tuyên bố mất tích số 01/2010/QĐDS – ST.

Đối với anh K sau khi có quyết định tuyên bố chị H mất tích anh đã đăng ký kết hôn với chị Trần Thị N vào ngày 12/11/2008 do Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh đăng ký.

Nay chị H xét thấy mặc dù chị H và anh K không còn tình cảm với nhau nữa, đã cắt đứt mọi quan hệ nhưng trên pháp lý chị H và anh K vẫn là vợ chồng. Anh K đi kết hôn với người khác là vi phạm pháp luật. Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cho anh K đăng ký kết hôn với chị Trần Thị N là trái quy định của pháp luật nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn K và chị Trần Thị N.

Các vấn đề khác chị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên họp hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, người yêu cầu kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến tại phiên họp đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn K, chị Trần Thị N vắng mặt tại các buổi làm việc là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Đề nghị thẩm phán chủ trì phiên họp áp dụng Điều 361; Điều 35; Điểm b khoản 2 Điều 40; khoản 2 Điều 146; các Điều 149, 171, 172 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư số 01/2016/ TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm d khoản 2 Điều 11; Điều 15 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lê Thị H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn K và chị Trần Thị N theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 03/2008 do Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12/11/2008.

+ Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Anh Nguyễn K và chị Trần Thị N phải chấm dứt quan hệ là vợ chồng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

+ Về lệ phí: Chị Lê Thị H thuộc trường hợp không phải chịu lệ phí theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11; Điều 15 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các quan hệ khác chị H không yêu cầu nên đề nghị Tòa án miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tuyên hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn K và chị Trần Thị N. Anh Nguyễn K và chị Trần Thị N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự người yêu cầu có bản khai trình bày quan điểm giải quyết việc dân sự. Thời điểm Tòa án tiến hành việc thụ lý việc dân sự thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K, chị N có mặt tại địa phương và đã được Tòa án thông báo nội dung việc dân sự, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh K, chị N từ chối nhận tất cả các văn bản do Tòa án nhân dân huyện H tống đạt liên quan đến việc dân sự nói trên. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý việc dân sự, Giấy triệu tập, quyết định mở phiên họp, quyết định hoãn phiên họp đối với anh Nguyễn K và chị Trần Thị N theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh K, chị N không chấp hành, anh K, chị N vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh Nguyễn K và chị Trần Thị N theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ việc: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của người yêu cầu; biên bản xác minh, biên bản làm việc của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và bản tự khai của Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đều thể hiện ngày 20/9/1991 chị H và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Đến tháng 02/2004 chị H bỏ nhà đi. Ngày 23/10/2008 Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố chị H mất tích (số 02/2008/QĐST-TBMT) theo yêu cầu của anh K, đến năm 2010 chị H trở về địa phương đề nghị Tòa án hủy quyết định tuyên bố chị H mất tích. Ngày 25/01/2010 Tòa án nhân dân huyện H đã ban hành quyết định hủy quyết định tuyên bố mất tích số 01/2010/QĐDS – ST. Sau khi có quyết định tuyên bố chị H mất tích thì anh K chưa làm thủ tục ly hôn đối với chị Lê Thị H mà anh K lại đăng ký kết hôn với chị Trần Thị N vào ngày 12/11/2008 do Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp.

Còn phía anh K, chị N, mặc dù anh K, chị N đã được Tòa án thông báo về nội dung vụ án, thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh K, chị N từ chối nhận các văn bản tố tụng. Tuy anh K chị N không ký vào các loại văn bản tố tụng nhưng anh K khẳng định việc anh đăng ký kết hôn với chị Lê Thị H vào ngày 20/9/1991 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn đến tháng 02/2004 chị H bỏ nhà đi nên anh đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích. Ngày 23/10/2008 Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố chị H mất tích (số 02/2008/QĐST-TBMT). Sau khi Tòa án tuyên bố chị H mất tích thì anh K chưa làm thủ tục ly hôn đối với chị H. Ngày 12/11/2008 anh K đăng ký kết hôn với chị Trần Thị N tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là đúng sự thật và chị Trần Thị N cũng khẳng định việc chị N và anh K đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh như anh K trình bày là đúng.

- Quan điểm của UBND xã S: Việc cấp giấy xác nhận trình trạng hôn nhân của anh K khi chưa có quyết định, bản án của Tòa án về việc ly hôn mà xác nhận cho anh K kết hôn lần 2 là chưa đảm bảo. Vì vậy UBND xã S1 đăng ký kết hôn cho anh K chị N là trái pháp luật, đề nghi Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh K Chị N.

- Quan điểm của UBND xã S1: Việc UBND xã S1 thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh K, Chị N khi chưa có quyết định, bản án ly hôn giữa anh K, chị H là chưa đảm bảo, trái quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh K, Chị N của UBND xã S1.

Thẩm phán, chủ trì phiên họp xét thấy việc anh Nguyễn K và chị Trần Thị N thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2008 khi anh K và chị H chưa ly hôn nhau là vi phạm quy định về điều kiện kết hôn được quy định tại khoản 3 Điều 9 và thuộc trường hợp cấm kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lê Thị H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn K và chị Trần Thị N theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 03/2008 do Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12/11/2008 là có căn cứ.

Về hậu quả pháp lý: Anh Nguyễn K và chị Trần Thị N phải chấm dứt quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về lệ phí: Chị Lê Thị H thuộc trường hợp không phải chịu lệ phí theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11; Điều 15 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các quan hệ khác Chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 361; Điều 35; Điểm b khoản 2 Điều 40; khoản 2 Điều 146; các Điều 149, 361, 372, 171, 172 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 2 Điều 10, Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư

số 01/2016/ TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm d khoản 2 Điều 11; Điều 15 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lê Thị H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn K và chị Trần Thị N theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 03/2008 do Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12/11/2008 .

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Anh Nguyễn K và chị Trần Thị N phải chấm dứt quan hệ là vợ chồng

kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân: Chị Lê Thị H thuộc trường hợp không phải chịu lệ phí Tòa án về giải quyết việc dân sự.

4. Chị Lê Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này. Anh Nguyễn K, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo quết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày thông báo, niêm yết công khai quyết định giải quyết việc dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định giải quyết việc dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- UBND xã S;
- UBND xã S;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP
(Đã ký)
Nguyễn Mạnh Cường